

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 26 tháng 12, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TPC	25/12/2025	13.6	570.800	40.653	14.04
2	ILB	25/12/2025	22.7	1.004.000	90.723	11.07
3	AAS	25/12/2025	10.8	12.177.200	1.535.567	7.93
4	G36	25/12/2025	9.3	1.439.600	330.777	4.35
5	GAS	25/12/2025	69.2	3.702.300	984.320	3.76
6	DDB	25/12/2025	11	807.800	216.150	3.74
7	HVH	25/12/2025	13.65	722.500	201.603	3.58
8	FTS	25/12/2025	33.5	2.377.100	1.010.037	2.35
9	PNJ	25/12/2025	95.4	1.122.600	483.870	2.32
10	DPG	25/12/2025	39	1.242.300	540.530	2.3
11	VPL	25/12/2025	99	2.991.200	1.389.767	2.15
12	VHM	25/12/2025	114.3	10.699.900	5.144.964	02.08
13	MCH	25/12/2025	223.5	1.009.000	507.447	1.99
14	BID	25/12/2025	38.8	3.728.800	1.894.980	1.97
15	NTL	25/12/2025	17.65	1.406.300	714.373	1.97
16	STB	25/12/2025	55.9	15.350.700	7.870.154	1.95
17	CTG	25/12/2025	35	13.969.300	7.716.264	1.81
18	VRE	25/12/2025	32.25	17.089.700	9.755.427	1.75
19	KSB	25/12/2025	17.6	1.982.700	1.142.623	1.74
20	HDC	25/12/2025	23.5	3.570.000	2.152.123	1.66
21	VJC	25/12/2025	212	3.518.200	2.214.607	1.59
22	BVB	25/12/2025	13.4	1.596.400	1.027.343	1.55
23	OIL	25/12/2025	10.7	1.048.200	685.653	1.53
24	HVN	25/12/2025	25.7	1.588.400	1.053.373	1.51
25	GEE	25/12/2025	208.8	1.158.800	789.267	1.47
26	PAN	25/12/2025	28.3	1040100	757270	1.37
27	MWG	25/12/2025	86	8091600	5961257	1.36
28	VGC	25/12/2025	41.15	949500	703670	1.35
29	MSR	25/12/2025	24.4	1806800	1337380	1.35



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	ACB	25/12/2025	24	8.115.070	44.67	23.44	2.37	-0.37	0.08
2	AGR	25/12/2025	16.35	1.042.940	56.13	16.12	1.43	-0.11	-0.22
3	BID	25/12/2025	38.8	2.290.370	59.71	37.79	2.66	-0.14	-0.34
4	C4G	25/12/2025	8.7	1.768.920	51.9	8.46	2.84	-0.04	0.12
5	CTS	25/12/2025	34	770.470	45.01	32.95	3.19	-1.13	0.39
6	FCN	25/12/2025	15.2	1.435.430	46.75	15.04	01.05	-0.16	0.13
7	GEX	25/12/2025	43	10.272.140	46.7	41.61	3.34	-2.03	1.89
8	LCG	25/12/2025	10.3	2.310.850	46.12	10.02	2.79	-0.13	0.1
9	MSN	25/12/2025	76.3	4.375.500	47.59	73.71	3.51	-1.13	1.57
10	NTL	25/12/2025	17.65	954.500	61.23	16.91	4.35	-0.1	-0.27
11	OCB	25/12/2025	12.1	1.601.740	46.35	11.49	5.31	-0.2	0.21
12	PC1	25/12/2025	21.95	2.735.640	50.68	20.87	5.2	-0.06	0.06
13	PVT	25/12/2025	18.4	2.530.380	51.07	17.81	03.03	0.06	-0.29
14	SAB	25/12/2025	48.2	1.443.210	44.34	46.86	2.86	0.42	0.63
15	SHI	25/12/2025	14.9	514.090	44.28	14.39	3.53	0.13	-0.01
16	TCB	25/12/2025	34	11.951.970	49.23	33.07	2.81	-0.76	0.56
17	TIG	25/12/2025	8.4	969.250	61.43	8.31	1.11	0.04	-0.38
18	VCG	25/12/2025	23.2	4.501.370	39.48	23.2	0.02	-0.57	0.58
19	VIX	25/12/2025	23	37.563.512	43.38	22.47	2.38	-1.81	1.2
20	VND	25/12/2025	20	18.543.780	56.86	18.93	5.67	-0.51	0.49



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GAS	69.2	69.33	1.190.960
2	MCH	223.5	230	298880
3	NAF	36.7	36.95	615.580

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BAF	37.1	37	3.873.050

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CKG	10.5	10.5	46.060
2	CNG	23.9	23.74	10.770
3	CST	12.8	11.8	32.140
4	CSV	27.7	27.55	350.410
5	DGC	64.6	63.5	9.815.170
6	HND	10.3	9.42	15.290
7	HVT	28.05	28.4	15.840
8	ILB	22.7	22.5	266.580
9	LMC	5.3	4.8	90.340
10	NBB	19.1	18.6	46.570
11	PCT	8	8	22.630
12	QTP	12.4	11.92	154.350
13	SGR	16.4	16	190.430
14	ST8	05.07	5	84.010
15	TIS	4.5	4.3	12.070
16	TSB	26.8	26	21.310

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	DGC	64.6	63.5	9.815.170
2	HDC	23.5	23.2	2.702.250
3	NLG	31	30	1.992.210
4	HDG	28	26.5	1.915.370
5	KSB	17.6	17.1	1.215.780
6	DPG	39	39	520.290
7	CSV	27.7	27.55	350.410
8	VEA	33.7	33.2	301.380
9	ILB	22.7	22.5	266.580
10	PAT	79	75.11	226.660
11	BMI	17.6	17.5	212.280
12	CMG	35	34.5	191.720
13	SGR	16.4	16	190.430
14	TCI	9.25	9.11	175.670
15	QTP	12.4	12.3	154.350
16	DTD	16.6	16	142.820
17	CIG	8.75	8.5	132.310
18	JVC	06.03	6.1	110.110
19	LMC	5.3	4.8	90.340
20	ST8	5.7	5	84.010
21	CLX	15.06	15.3	65.250
22	SKG	9.99	9.91	54.470
23	KSV	92	91.5	48.110
24	NBB	19.1	18.6	46.570
25	CKG	10.5	10.5	46.060
26	VTR	12.8	12.73	34.800
27	CST	12.8	11.8	32.140
28	PCT	8	8	22.630



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	GMD	60.5	60.05	789.790
2	HNG	6	5.83	1.405.490
3	MST	6.6	6.57	3282230
4	PET	33.25	32.67	1.644.250
5	VJC	212	200.43	1.979.320

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HNG	6	5.87	1.405.490
2	PET	33.25	31.96	1.644.250



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BVB	13.4	13.06	1.372.390
2	CRC	9.17	9.38	980.850
3	CRE	8.73	8.89	729900
4	DLG	2.61	2.62	1.542.380
5	DPM	22.15	22.35	2.063.520
6	DXG	17.6	17.92	12.247.460
7	KSB	17.6	18.09	1.215.780
8	NAB	14.3	14.31	1.299.320
9	PDR	19.5	19.84	12.065.720
10	PVC	10.9	10.9	664140

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	EIB	22	22.22	6.497.170
2	HAH	60	60.51	1.055.440
3	HCM	22.9	23.09	8882940
4	IDC	36.8	37.23	1.103.510
5	LCG	10.3	10.45	2.310.850
6	MSB	12.4	12.45	5.790.460
7	NAB	14.3	14.35	1.299.320
8	SSI	30.5	31.18	23.970.490
9	TCB	34	34.66	11951970
10	TPB	17	17.07	7591550
11	VPB	28.75	28.83	13095670
12	VRE	32.25	33.38	11005630

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	24	24.09	8.115.070
2	CTS	34	34.4	770.470
3	DXG	17.6	17.92	12247460
4	EVG	8.45	8.67	857.620
5	FCN	15.2	15.42	1.435.430
7	HBC	6.3	6.51	1998300
8	IDJ	5.1	5.17	625250
9	KLB	16.1	16.38	590950
10	LCG	10.3	10.47	2310850
11	MSR	24.4	25.51	1440480
12	NAB	14.3	14.36	1299320
13	PC1	21.95	22.06	2735640
14	PVT	18.4	18.44	2530380
15	PVX	1.7	1.79	1462580
16	SHI	14.9	15.66	514090
17	SSB	17.35	17.47	2462220
18	TCX	46.45	46.58	2758430
19	TPB	17	17.01	7591550
20	VIX	23	23.39	37563512
21	VPB	28.75	28.81	13095670



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	ODE	25/12/2025	46.3	45.3	46.6	2.9	18.560
2	SJD	25/12/2025	14.05	13.9	14.35	3.2	30.220
3	CHP	25/12/2025	29.35	29.2	30.14	3.2	20.820
4	CLL	25/12/2025	30.45	30.25	31.25	3.3	7.440
5	TCL	25/12/2025	34.55	33.3	34.85	4.7	16.380
6	DSN	25/12/2025	44.8	42.95	45.05	4.9	9.600
7	RAL	25/12/2025	92.5	90.5	95.4	5.4	4.660
8	FOC	25/12/2025	63.6	63.5	67.5	6.3	8.840
9	USD	25/12/2025	17.7	17.3	18.5	6.9	800
10	DVP	25/12/2025	68	67.2	72	7.1	11.860
11	CLX	25/12/2025	15.6	15.3	16.4	7.2	77.480
12	PPC	25/12/2025	9.92	9.6	10.3	7.3	120.720
13	GDT	25/12/2025	20.95	20	21.45	7.3	19.940
14	HTG	25/12/2025	42.95	41.81	45.12	7.9	7.940
15	TLD	25/12/2025	8.2	7.9	8.54	8.1	400.240
16	QTP	25/12/2025	12.4	12.3	13.3	8.1	182.980
17	SCG	25/12/2025	65.3	62.1	67.2	8.2	22.600
18	GHC	25/12/2025	28.6	28.2	30.5	8.2	12.240
19	SGN	25/12/2025	59.5	58.9	63.91	8.5	8.660
20	OPC	25/12/2025	22.3	21.1	22.9	8.5	6.240
21	PGC	25/12/2025	13.45	12.75	13.85	8.6	41640
22	HMC	25/12/2025	11.75	11.2	12.2	8.9	9400
23	TCW	25/12/2025	31.9	30.4	33.1	8.9	6780
24	NAB	25/12/2025	14.3	13.95	15.2	9	1307340
25	PVP	25/12/2025	14	13.56	14.8	9.1	49400
26	PPH	25/12/2025	27.7	25.99	28.37	9.2	12020
27	MCP	25/12/2025	28.8	26.5	29	9.4	22080
28	SMB	25/12/2025	40.15	37.41	40.95	9.5	19040
29	TV1	25/12/2025	22	21.91	24	9.5	17240



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009